HỌC KỲ III : Năm học 2018 - 2019

**ĐẠI HỌC THĂNG LONG**

KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

**KẾ HOẠCH DỰ ÁN**

**ĐỀ TÀI: XÂY DỰNG ỨNG DỤNG  
 QUẢN LÝ KHÁCH SẠN**

Sinh viên:

**A26698 – VŨ THẾ NAM – TI28g1**

**A26965 – NGUYỄN HOÀNG LONG – TI28g1**

**A26585 – TRẦN VĂN ĐẠT – TI28g1**

Giáo viên hướng dẫn:

**ThS. Trần Quang Duy**

Hà Nội – 4/2019

Mục lục

[Tổng quan về dự án 3](#_Toc7881222)

[1. Giới thiệu bài toán 3](#_Toc7881223)

[1.1 Đối với người quản lý khách sạn và nhân viên 3](#_Toc7881224)

[1.2 Đối với khách hàng 4](#_Toc7881225)

[1.3 Kinh phí: tổng kinh phí dự án 1.000.000.000 VNĐ 4](#_Toc7881226)

[1.4 Thời gian: 6 tháng 4](#_Toc7881227)

[2. Mô hình sử dụng 5](#_Toc7881228)

[TỔ CHỨC DỰ ÁN 5](#_Toc7881229)

[Quản lý nguồn lực và môi trường 6](#_Toc7881230)

[1. Môi trường 6](#_Toc7881231)

[2. Giai đoạn thực hiện 8](#_Toc7881233)

[3. Mốc kiểm soát 8](#_Toc7881234)

[Quản lý rủi ro 10](#_Toc7881235)

[Quản lý cấu hình 12](#_Toc7881236)

[1. CI 12](#_Toc7881237)

[2. Baselines 13](#_Toc7881238)

# Tổng quan về dự án

## Giới thiệu bài toán

Ngày nay, Công Nghệ Thông Tin có những bước phát triển mạnh mẽ, ứng dụng trong nhiều lĩnh vực đời sống và hiệu quả mang lại là không thể phụ nhận, giúp giảm thiếu tối đa các khâu làm việc thủ công kém hiệu quả chính xác của con người trước kia. Máy tính điện tử trở nên phổ biến và gần gũi với mọi người, việc tiếp cận với Hệ thống Thông tin quản lý trở thành mục tiêu hàng đầu của các tổ chức, doanh nghiệp cho mục đích quản lý thông tin của mình. Trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, giờ đây, thương mại điện tử đã khẳng định được vai trò xúc tiến và thúc đẩy sự phát triển của các doanh nghiệp trong các khâu sản xuất cũng như quản lý. Đối với một khách sạn hệ thống quản lý khách sạn được xây dựng nhằm giải quyết nhu cầu về quản lý trong khách sạn.

Xây dựng một hệ thống quản lý hoạt động khách sạn mà qua đó người sử dụng có thể vào xem danh sách các hoạt động đang diễn ra trong khách sạn, tình hình khách hàng, cơ sở vật chất của khách sạn, nhiệm vụ của từng nhân viên trong khách sạn, tình hình khách sạn, hệ thống đặt phòng của khách sạn, dịch vụ của khách sạn.... Ngoài ra hệ thống còn hỗ trợ người quản trị giao công việc cho nhân viên trong khách sạn qua hệ thống.

Hệ thống đảm bảo quản lý được các yêu cầu sau:

#### 1.1 Đối với người quản lý khách sạn và nhân viên

* Quản lý nhân viên khách sạn
* Quản lý thông tin nhân viên
* Quản lý hồ sơ nhân viên
* Quản lý khách hàng
* Quản lý thông tin khách hàng
* Quản lý các đơn đặt phòng của khách hàng
* Quản lý dịch vụ trong khách sạn
* Quản lý cơ sở vật chất của khách sạn
* Quản lý hoạt động đang diễn ra trong khách sạn
* Quản lý hoạt động mua bán trong khách sạn
* Quản lý doanh thu của khách sạn
* Quản lý hoạt động ở và trả phòng của khách hàng
* Quản lý sự kiện diễn ra trong khách sạn

#### 1.2 Đối với khách hàng

* Xem thông tin khách sạn
* Xem thông tin các dịch vụ của khách sạn
* xem giá cả các loại phòng và các loại dịch vụ của khách sạn
* xem các đánh giá về khách sạn
* Xem tình hình cơ sở vật chất của khách sạn
* Thái độ phục vụ của khách sạn

#### 1.3 Kinh phí: tổng kinh phí dự án 1.000.000.000 VNĐ

* Lương và thưởng của nhân viên
* Cơ sở vật chất, tiền thuê địa điểm làm việc
* Các chi phí phát sinh khác

#### 1.4 Thời gian: 6 tháng

* Ngày bắt đầu: 08/04/2019
* Ngày kết thúc 10/9/2019
* Ngày làm việc từ thứ 2 đến hết ngày thứ 6
* Thời gian làm việc mỗi ngày: 8 tiếng

## Mô hình sử dụng

Mô hình sử dụng trong dự án: **Mô hình thác nước**

Lý do sử dụng mô hình thác nước:

* Mô hình đơn giản dễ hiểu và dễ sử dụng
* Dễ quản lý độ cứng của mô hình
* Dễ phân công công việc
* Phân bố chi phí phù hợp
* Giám sát công việc chặt chẽ
* Kiến trúc hệ thống ổn định

# TỔ CHỨC DỰ ÁN

Dự án gồm 3 người thực hiện và được chia nhỏ thành 7 nhóm để thực hiện các công việc.

Trần Văn Đạt

Nguyễn Hoàng Long

Vũ Thế Nam

Nhóm nghiệp vụ

**Trần Văn Đạt**

**Quản trị dự án**

Trần Văn Đạt

Nguyễn Hoàng Long

Vũ Thế Nam

Nhóm triển khai

Trần Văn Đạt

Nguyễn Hoàng Long

Vũ Thế Nam

Quản lý cấu hình

Trần Văn Đạt

Nguyễn Hoàng Long

Vũ Thế Nam

Nhóm Test

Trần Văn Đạt

Nguyễn Hoàng Long

Vũ Thế Nam

Nhóm PTTK

Trần Văn Đạt

Nguyễn Hoàng Long

Vũ Thế Nam

Nhóm lập trình

# Quản lý nguồn lực và môi trường

## Môi trường

Phần cứng

|  |  |
| --- | --- |
| Hạng mục | Cấu hình tối thiểu |
| Máy chủ csdl | * Cpu: intel core i5, 2.4 Ghz * Ram: 8 gb * ổ cứng: hdd, 1TB * cấu hình: 64 bit |
| Máy chủ web |  |
|  |  |

Hệ điều hành

|  |  |
| --- | --- |
| Máy chủ | Hệ điều hành |
| Máy chủ csdl | Win server 2012 |
| Máy chủ web |  |
|  |  |

Phần mềm phát triển

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Tên phần mềm | Phiên bản | Chức năng |
| mySQL | 5.5.27 | Hệ quản trị CSDL |

Các phần mềm khác

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Tên phần mềm | Phiên bản | Chức năng |
| Microsoft word | 2016 | Viết tài liệu |
| Google chorme | Mới nhất | Trình duyệt web |

## Giai đoạn thực hiện

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Giai đoạn thực hiện | Thời gian thực hiện (ngày) | Số người | Quy mô (Ngày công) | Ghi chú |
| Chuẩn bị dự án | 7 | 1 | 7 (0.35 mm) |  |
| Khảo sát | 20 | 3 | 60 (3 mm) |  |
| Phân tích | 20 | 3 | 60 (3mm) |  |
| Thiết kế | 26 | 3 | 78 (3.9 mm) |  |
| Lập trình | 30 | 2 | 60 (3 mm) |  |
| Kiểm thử | 45 | 3 | 135 (6.72) |  |
| Triển khai | 7 | 3 | 21(1.05 mm) |  |
| Tổng | 155 |  | 421 (15.62 mm) | 1mm =20md |

*Bảng dự kiến nhân lực theo công việc*

## Mốc kiểm soát

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Mã kiểm soát | Giai đoạn | Ngày báo cáo | Nội dung | Trách nhiệm |
| KS01 | Khởi động dự án | 08/04/2019 | Đưa ra bản kế hoạch của dự án | Đạt |
| KS02 | Khảo sát | 05/05/2019 | Khảo sát nghiệp vụ quản lý phòng  Khảo sát nghiệp vụ quản lý khách hàng  Khảo sát nghiệp quản lý nhân viên | Đạt, Long, Nam |
|  |  |  | Tổng hợp tài liệu | Nam |
| KS03 | Phân tích | 01/06/2019 | Đưa ra bản khảo sát hệ thống  Phân tích nghiệp vụ quản lý khách hang  Phân tích nghiệp vụ quản lý số phòng | Đạt, Long, Nam |
| Tổng hợp lại tài liệu | Nam |
| KS04 | Thiết kế | 02/07/2019 | Thiết kế CSDL  Thiết kế database  Thiết kế sơ đồ use-case  Thiết kế chức năng | Đạt, Long, Nam |
| Tổng hợp tài liệu | Nam |
| KS05 | Lập trình | 31/07/2019 | Xây dựng chức năng  Kết nối module | Đạt, Long, |
|  |  |  | Tổng hợp tài liệu | Nam |
| KS06 | Kiểm thử và khắc phục lỗi | 06/10/2019 | Báo cáo kết quả kiểm thử  Báo cáo sửa lỗi sau khi kiểm thử | Đạt, Long, Nam |
| Tổng hợp và báo cáo tài liệu | Nam |
| KS07 | Triển khai | 11/04/2019 | Triển khai và kết thúc dự án |  |

# Quản lý rủi ro

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mã rủi ro** | **Mô tả rủi ro** | **Mức độ ảnh hưởng tới dự án** | **Biện pháp khắc phục rủi ro** | **Biện pháp phòng ngừa** |
| RR01 | Thiếu nhân lức | Cao | Lập một chương trình đào tạo riêng cho dự án, | Tổ chức các buổi đào tạo chéo giữa các thành viên |
| RR02 | Nhóm ít kinh nghiệm | Cao | Giám sát tiến độ theo từng tuần và tổ chức một số buổi nâng cao kiến thức nghiệp vụ | Tổ chức một số buổi học về công nghệ phần mềm trước khi bắt tay vào dự án |
| RR03 | Trình độ và khả năng các thành viên trong nhóm không đồng đều | Bình thường | Các thành viên tự học hỏi nâng cao trình độ. Tổ chức các buổi thảo luận giữa các thành viên | Chọn người quản lý có trình độ cao nhất |
| RR04 | Thành viên rời dự án | Cao | Đảm bảo mọi thành viên đều được đảm nhiệm phần việc quan trong của dự án. Có cơ chế lưu trữ, quản lý tài liệu của công việc của tất cả thành viên | Họp mặt thường xuyên(ngoài công việc) để xây dựng tình đoàn kết, teamwork. Có từ 1, 2 thành viên back up kịp thòi cho dự án bất kỳ lúc nào |
| RR05 | Nhiều quyết định từ bên ngoài tác động đến dự án | Cao | Liệt kê danh sách quyết định bất lợi, cùng với đó là thông tin liên quan | Xác định đây như một rủi ro bắt buộc và lên kế hoạch giảm thiểu trong dài hạn |
| RR06 | Khảo sát chưa hết yêu cầu khách hàng | Cao | Khảo sát lại một cách kỹ lưỡng | Tổ chức gặp mặt khách hàng thường xuyên là liên tục để đảm bảo đáp ứng đủ hết yêu cầu của khách |
| RR07 | Hiệu suất không đảm bảo | Cao | Xác định lại tiêu chuẩn một cách rõ ràng. Xây dựng hiệu suất mẫu cho các giao dịch quan trọng | Đảm bảo mọi nhân sự trong dự án nắm được yêu cầu cụ thể về hiệu suất cá nhân |

# Quản lý cấu hình

## CI

Định nghĩa: CI là đơn vị cấu hình, quản lý các tài liệu, dữ liệu, thông tin cần thay đổi trong dự án.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Mã CI | Tên CI | Mô tả |
| CI001 | Tài liệu kế hoạch dự án | Chứa các thông tin nhân sự, rủi ro, kế hoạch phạm vi của dự án |
| CI002 | Tài liệu phân tích | Chứa các thông tin sau khi đã phân tích về dự án |
| CI003 | Tài liệu khảo sát | Chứa thông tin về đối tượng, nội dung, kết quả khảo sát. |
| CI004 | Tài liệu yêu cầu người sử dụng | Chứa thông tin về các chức năng mà người sử dụng muốn có trong sản phẩm |
| CI005 | Sơ đồ và giới thiệu các chức năng của hệ thống | Thiết kế usecase và giới thiệu qua tác dụng của các chức năng |
| CI006 | Sơ đồ luồng công việc | Sơ đồ luồng các công việc chính trong quy trình nghiệp vụ |
| CI007 | Tài liệu đặc tả chức năng | Mô tả chi tiết các thực thể, tác nhân, luồng chính phụ, nguyên nhân không thực hiện được của từng chức năng. |
| CI008 | Tài liệu cơ sở dữ liệu | Chức thông tin gồm các bảng, mối quan hệ giữa các bảng và thiết kế cơ sở dữ liệu |
| CI009 | Thiết kế giao diện | Chứa tài liệu, hình ảnh mô tả giao diện. |
| CI010 | Mã nguồn | Chứa mã nguồn, cấu trúc mã nguồn của hệ thống. |
| CI011 | Tài liệu kiểm thử | Chứa tài liệu kiểm thử các chức năng, giao diện, bảo mật của hệ thống |
| CI012 | Tài liệu sửa lỗi. | Chứa thông tin các lỗi đã sửa sau khi được kiểm thử. |
| CI013 | Tài liệu hướng dẫn sử dụng | Chứa thông tin về hướng dẫn cài đặt và sử dụng sản phẩm. |
| CI014 | Triển khai hệ thống | Chứa thông tin về việc triển khai và bàn giao lại hệ thống cho khách hàng |

## Baselines

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Mã Baselines | Baseline | Time | CI |
| BL001 | Startup | 08/04/2019 | CI001 |
| BL002 | Survey | 05/05/2019 | CI002 |
| BL003 | Analysis | 01/06/2019 | CI003  CI004 |
| BL004 | Design | 02/07/2019 | CI004  CI005  CI006  CI007  CI008  CI009  CI010 |
| BL005 | Program | 31/07/2019 | CI006  CI007  CI008  CI009  CI010 |
| BL006 | Test and debug | 04/03/2018 | CI010  CI011  CI012 |
| BL007 | Finish | 11/04/2019 | CI001  CI002  CI003  CI004  CI005  CI006  CI007  CI008  CI009  CI010  CI011  CI012  CI013  CI014 |

## Cấu trúc thư mục